TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS-ST
Ngày: 13/8/2019.
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng Nga.

2. Ông Văn Phú Hiên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLST- DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST – DS ngày 05 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST – DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT.

Địa chỉ trụ sở chính: 266 – 268 NKKN, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê văn Q – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Văn bản ủy quyền số 3792/2018/GUQ – PL ngày 10/12/2018)

Ông Quá ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị Lan H – Chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu – Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT. Trụ sở: 67A, LHP, phường 7, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Văn bản ủy quyền số 388/2019/GUQ – CNBRVT ngày 27/5/2019)

(Bà H có mặt)

2. Bị đơn:

Ông Phùng Quang H, sinh năm: 1979. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TS 3, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2019, bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Lan H trình bày:

Ngày 17/11/2014 Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT (Sacombank) đã ký kết hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1431500253 với ông Phùng Quang H, theo đó Ngân hàng đồng ý cho ông Phùng Quang H vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), giải ngân một lần tại Sacombank, hình thức vay tín chấp không bảo đảm tài sản. Thời hạn vay là 36 tháng (từ ngày 17/11/2014 đến 17/11/2017), mục đích vay: tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn 0,7% tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Số kỳ trả nợ là 36 kỳ, tương đương với 36 tháng, việc trả nợ được thực hiện hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay ông Phùng Quang H đã thanh toán tiền gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng LD 1431500253 ngày 17/11/2014 cho Ngân hàng được 26 kỳ tổng số tiền 45.188.000đ, trong đó tiền gốc: 36.088.000đ, tiền lãi: 9.100.000đ. Từ đó đến nay thì ông H không trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi nào. Ngân hàngđã nhiều lần yêu cầu ông H thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn lại nhưng ông H vẫn cố tình không trả và không hợp tác với Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Phùng Quang H phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 13/8/2019 tổng số tiền: 21.950.000đ, trong đó: tiền gốc: 13.912.000đ; lãi trong hạn: 3.468.000đ; lãi quá hạn: 4.570.000đ. Và toàn bộ tiền lãi phát sinh sau ngày 13/8/2019 đến khi ông Phùng Quang H hoàn tất nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng số: LD1431500253 ngày 17/11/2014 đã ký với ngân hàng.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Phùng Quang H vẫn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên Tòa bị đơn ông Phùng Quang H vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn Phùng Quang H vắng tại các buổi làm việc cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Phùng Quang H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT khởi kiện ông Phùng Quang H có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Phùng Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đương sự nói trên vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn ông H không đến tham gia phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phùng Quang H.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Phùng Quang H phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD 1431500253 ngày 17/11/2014, tạm tính đến ngày 13/8/2019 ông Phùng Quang H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 21.950.000đ, trong đó: tiền gốc: 13.912.000đ; lãi trong hạn: 3.468.000đ; lãi quá hạn: 4.570.000đ. Và yêu cầu ông Phùng Quang H thanh toán toàn bộ tiền lãi phát sinh sau ngày 13/8/2019 cho đến khi ông Phùng Quang H hoàn tất nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng số LD 1431500253 ngày 17/11/2014 đã ký với Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ký hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD 1431500253 ngày 17/11/2014 giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với ông Phùng Quang H nhưng hết thời hạn thông báo theo quy định của pháp luật ông H vẫn không có ý kiến phản hồi. Tòa án tiến hành xác minh nơi sinh sống của ông H tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Kết quả xác minh cho thấy vào thời điểm ông H ký hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng thì ông H có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ấp TS 3, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau đó ông H bỏ đi khỏi địa phương nhưng không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương, cũng

không thông báo cho Ngân hàng. Như vậy, ông H đã cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ông Phùng Quang H đã vi phạm phương thức trả nợ gốc và nợ lãi mà các bên đã ký kết tại hợp đồng tín dụng nói trên. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT buộc ông Phùng Quang H phải trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 13/8/2019 tổng số tiền: 21.950.000đ, trong đó: tiền gốc: 13.912.000đ; lãi trong hạn: 3.468.000đ; lãi quá hạn: 4.570.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT đối với bị đơn ông Phùng Quang H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Phùng Quang H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT tổng số tiền gốc và tiền lãi của hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD 1431500253 ngày 17/11/2014 tính đến ngày 13/8/2019 tổng số tiền: 21.950.000đ (Hai mươi mốt triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó: tiền gốc: 13.912.000đ; lãi trong hạn: 3.468.000đ; lãi quá hạn: 4.570.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Ông Phùng Quang H phải chịu 1.097.500đ (Một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT số tiền tạm ứng án phí 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008023 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo